TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/DS-ST
Ngày: 19-6-2018
V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diện

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Vợ chồng ông Võ Văn L, sinh năm 1981
bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn K, xã H H, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là ông Ngô Thế Q, sinh năm 1957, địa chỉ: Số nhà 02/46 - đường P - thành phố Q - tỉnh Bình Định, theo Giấy ủy quyền ngày 22/3/2018.

(Ông Võ Văn L đề nghị xét xử vắng mặt)

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H T, huyện H, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T: Ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng nhận nợ của vợ chồng ông bà số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận chậm nhất đến ngày 15/11/2017 bà M phải thanh toán dứt điểm số tiền trên. Nhưng đến hạn bà M không trả, sau đó hẹn nhiều lần cũng không trả. Nay vợ chồng ông Võ Văn L bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà M phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 1.100.000.000 đồng và trả lãi từ ngày 16/11/2017 đến nay với lãi suất chậm trả là 7%/năm.

- Theo lời khai của bị đơn tại Bản tự khai ngày 23/01/2018: Ngày 14/11/2016, bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng nhận nợ của vợ chồng ông L bà T số tiền 1.100.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông L bà T đòi, bà M chấp nhận trả 1.100.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, bắt đầu trả từ tháng 02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; theo qui định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Theo Hợp đồng nhận nợ đã được công chứng ngày 14/11/2016 thì giao dịch giữa các bên được xác lập trước khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, giao dịch đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với qui định của Bộ luật dân sự 2015 nên theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, áp dụng qui định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Hợp đồng nhận nợ giữa bà M và vợ chồng ông L bà T là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập nghĩa vụ dân sự, là nghĩa vụ trả tiền của bà M đối với vợ chồng ông L bà T. Nội dung hợp đồng này không thể hiện việc vay tài sản nên việc xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của tranh chấp là "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

[4] Hợp đồng nhận nợ giữa bà M và vợ chồng ông L bà T đã được công chứng tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Bình Định ngày 14/11/2016 số công chứng 4898, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD và bà M cũng thừa nhận số tiền nợ vợ chồng ông L bà T nên xác định bà Nguyễn Thị M nợ của vợ chồng ông Võ Văn L bà Nguyễn Thị T số tiền 1.100.000.000 đồng là đúng sự thật. Đến hạn trả nợ là ngày 15/11/2017 nhưng bà M không thực hiện trả tiền nợ cho vợ chồng

ông L bà T là vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, vợ chồng ông L bà T yêu cầu bà M trả tiền nợ là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà M yêu cầu trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của bà M không được vợ chồng ông L bà T đồng ý và cũng không phù hợp với qui định của pháp luật. Do đó, buộc bà M phải có nghĩa vụ trả đủ tiền nợ cho vợ chồng ông L bà T. Bà M chậm trả tiền nên còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 16/11/2017 đến ngày xét xử là 07 tháng 03 ngày. Lãi suất 7%/năm theo yêu cầu của nguyên đơn là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Số tiền lãi bà Mai phải trả là 1.100.000.000 đồng x 7%/năm x 07 tháng 03 ngày = 45.531.200 đồng. Như vậy, số tiền bà Mai có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông L bà T cộng với tiền lãi chậm trả tổng cộng là 1.145.531.200 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn bà Mai phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (345.531.200 đồng x 3%) = 46.365.940 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 357, 468, 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Võ Văn L bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị M trả cho vợ chồng ông Võ Văn L bà Nguyễn Thị T số tiền 1.145.531.200 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị M phải nộp 46.365.940 đồng (Bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho vợ chồng ông Võ Văn L bà Nguyễn Thị T số tiền 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) ông bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003760 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hương